

Phòng GD&ĐT quận Bình Thạnh
Trường Mầm non 11B

CÔNG KHAI TÀI CHÍNH

Ngày 16 tháng 05 năm 2025

STT	Diễn giải	Tổng cộng			
		Đơn vị tính	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
	Hôm trước chuyển sang				104,354
	Suất ăn và tiêu chuẩn trong ngày		37,000	262	9,694,000
	Được chi trong ngày				9,798,354
	Đã chi trong ngày				9,744,650
	1. Dịch vụ				262,000
1	Gas sáng		0	262	0
2	Gas trưa		1,000	262	262,000
	2. Kho				1,674,000
	Ăn chính				1,674,000
1	sữa meta care từ 1-6 tuổi	Kg	279,000	6	1,674,000
	3. Đi chợ				7,808,650
	Ăn chính				7,808,650
1	Gạo tẻ	Kg	27,300	13	354,900
2	Khoai tây	Kg	66,150	4	264,600
3	Cà chua	Kg	57,750	10	577,500
4	Cà rốt (củ đỏ, vàng)	Kg	36,750	2.5	91,875
5	Hành lá (hành hoa)	Kg	78,750	0.2	15,750
6	Hành tây	Kg	36,750	1	36,750
7	Mướp	Kg	33,600	2	67,200
8	Rau răm	Kg	52,500	0.2	10,500
9	Rau ngò	Kg	147,000	0.1	14,700
10	Tỏi	Kg	78,750	0.2	15,750
11	Nấm rơm	Kg	189,000	0.4	75,600
12	Đu đủ chín	Kg	52,500	23	1,207,500
13	Thịt bò lưng, nạc	Kg	336,000	3.2	1,075,200
14	Đường kính	Kg	38,850	2	77,700
15	Muối iốt	Gói	5,500	1	5,500
16	Pate	Hộp	32,940	10	329,400
17	Dầu ăn Tường An 1L	Lít	66,960	2	133,920
18	Thịt gà phi lê	Kg	110,250	9.5	1,047,375
19	Nước mắm Hồng Hạnh	Chai	78,840	1	78,840
20	Dầu ăn Tường An 250ml	Chai	21,600	1	21,600
21	Bánh mì sừng trâu	Cái	9,000	249	2,241,000
22	Sữa chua dâu	Hũ	12,960	4	51,840
23	Củ hành tím	Kg	68,250	0.2	13,650
	Chi kho lũy kế từ đầu tháng				5,301,000
	Chi chợ lũy kế từ đầu tháng				88,042,296
	Suất ăn lũy kế từ đầu tháng			2,598	
	Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng				96,126,000
	Đã chi lũy kế từ đầu tháng				96,072,296
	Chênh lệch cuối ngày				53,704

Kế toán

Lương Thị Thân Thương

Phó hiệu trưởng

Nguyễn Thị Diệp Thúy